

Thứ	Tiết	A1	A2	A3	B1	B2	B3	B4	C1	C2	C3
Thứ 2	1	Hóa học (Nga)	Ngữ Văn (Linh)	Toán (Trường)	Hóa học (Sénh)	Ngữ Văn (Huyền)	Vật lí (Dũng)	GDKT&PL (Vừ)	HĐTN (Nhàn)		
	2	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT
	3	Toán (Trường)	Toán (Q.Tâm)	Hóa học (Sénh)	Ngữ Văn (Huyền)	GDKT&PL (Vừ)	Ngữ Văn (Linh)	GDQP (Hiếu)	HĐTN (Nhàn)		
	4	Toán (Trường)	Toán (Q.Tâm)	Hóa học (Sénh)	Vật lí (Dũng)	GDKT&PL (Vừ)	Ngữ Văn (Linh)	Sinh học (Đức)			
	5										
Thứ 3	1	Ngữ Văn (Quân)	Tiếng anh (Dung)	Toán (Trường)	CĐ Toán - (Thư)	Tiếng anh (Trang)	Lịch sử (Huệ)	Sinh học (Đức)	Vật lí (Dũng)	Sinh học (Ngát)	Địa lí (Chính)
	2	Ngữ Văn (Quân)	Tiếng anh (Dung)	Toán (Trường)	Vật lí (Dũng)	Lịch sử (Huệ)	Tiếng anh (Trang)	CĐ Toán - (Thư)	GDĐP (Tập)	Địa lí (Chính)	Toán (Phượng)
	3	Vật lí (Dũng)	Ngữ Văn (Linh)	Tiếng anh (Dung)	Lịch sử (Huệ)	CĐ Toán - (Thư)	Tin học (Tuấn)	Tiếng anh (Trang)	Toán (Phượng)	GDĐP (Tập)	Ngữ Văn (Quân)
	4	Vật lí (Dũng)	Ngữ Văn (Linh)	Ngữ Văn (Quân)	Tiếng anh (Trang)	Toán (Q.Tâm)	Tin học (Tuấn)	Lịch sử (Huệ)	Toán (Phượng)	GDKT&PL (Vừ)	GDĐP (Thư)
	5										
Thứ 4	1	Ngữ Văn (Quân)	Địa lí (Thảo)	GDTC - (Tâm)	Ngữ Văn (Huyền)	Công nghệ (Tuấn)	Lịch sử (Huệ)	Toán (Q.Tâm)	Vật lí (Dũng)	Sinh học (Đức)	Tiếng anh (Dung)
	2	Tiếng anh (Trang)	GDTC - (Tâm)	Ngữ Văn (Quân)	Ngữ Văn (Huyền)	Tin học (Tuấn)	Vật lí (Dũng)	Lịch sử (Huệ)	Tiếng anh (Dung)	CĐ C.Nghệ (Phượng)	Sinh học (Đức)
	3	GDTC - (Tâm)	Toán (Q.Tâm)	Ngữ Văn (Quân)	Sinh học (Đức)	Lịch sử (Huệ)	Vật lí (Dũng)	Hóa học (Sénh)	Ngữ Văn (Huyền)	Tiếng anh (Dung)	Tin học (Tuấn)
	4	Tiếng anh (Trang)	GDKT&PL (Vừ)	Tiếng anh (Dung)	Lịch sử (Huệ)	Toán (Q.Tâm)	Ngữ Văn (Linh)	Sinh học (Đức)	Ngữ Văn (Huyền)	Ngữ Văn (Quân)	Tin học (Tuấn)
	5										
Thứ 5	1	Toán (Trường)	Sinh học (Ngát)	Vật lí (Dũng)	Tiếng anh (Trang)	Địa lí (Vĩnh)	Công nghệ (Q.Tâm)	Ngữ Văn (Linh)	Tiếng anh (Dung)	Lịch sử (Huệ)	Tin học (Tuấn)
	2	GDTC - (Tâm)	GDĐP (Nga)	Vật lí (Dũng)	Địa lí (Vĩnh)	Tiếng anh (Trang)	GDQP (Hiếu)	Ngữ Văn (Linh)	Toán (Phượng)	Lịch sử (Huệ)	Tiếng anh (Dung)
	3	Vật lí (Dũng)	GDQP (Hiếu)	Địa lí (Thảo)	Sinh học (Đức)	Công nghệ (Tuấn)	Tiếng anh (Trang)	GDKT&PL (Vừ)	Sinh học (Ngát)	Toán (Phượng)	GDTC - (Tâm)
	4	GDĐP (Nga)	GDKT&PL (Vừ)	GDQP (Hiếu)	Vật lí (Dũng)	Công nghệ (Tuấn)	Địa lí (Vĩnh)	Tiếng anh (Trang)	Sinh học (Ngát)	Toán (Phượng)	GDTC - (Tâm)
	5										
Thứ 6	1	Địa lí (Thảo)	GDQP (Hiếu)	GDKT&PL (Vừ)	Tiếng anh (Trang)	GDTC - (Tâm)	Công nghệ (Q.Tâm)	Hóa học (Sénh)	Tiếng anh (Dung)	Sinh học (Ngát)	Sinh học (Đức)
	2	Lịch sử (Hương)	Địa lí (Thảo)	GDKT&PL (Vừ)	GDTC - (Tâm)	Tiếng anh (Trang)	Tin học (Tuấn)	Địa lí (Vĩnh)	GDQP (Hiếu)	Toán (Phượng)	Tiếng anh (Dung)
	3	Hóa học (Nga)	Lịch sử (Hương)	Địa lí (Thảo)	GDQP (Hiếu)	Tin học (Tuấn)	Tiếng anh (Trang)	GDTC - (Tâm)	Địa lí (Vĩnh)	Tiếng anh (Dung)	Toán (Phượng)
	4	GDQP (Hiếu)	Hóa học (Nga)	Lịch sử (Hương)	Toán (Trường)	Tin học (Tuấn)	GDTC - (Tâm)	Tiếng anh (Trang)	Địa lí (Vĩnh)	Tiếng anh (Dung)	Toán (Phượng)
	5										
Thứ 7	1	Sinh học (Ngát)	Hóa học (Nga)	Hóa học (Sénh)	Địa lí (Vĩnh)	GDQP (Hiếu)	Toán (Trường)	Toán (Q.Tâm)	Lịch sử (Hương)	Địa lí (Chính)	Lịch sử (Huệ)
	2	Sinh học (Ngát)	Hóa học (Nga)	GDQP (Hiếu)	Hóa học (Sénh)	Địa lí (Vĩnh)	Toán (Trường)	Toán (Q.Tâm)	Lịch sử (Hương)	CĐ Địa lí (Thảo)	Lịch sử (Huệ)
	3	Lịch sử (Hương)	Tiếng anh (Dung)	GDĐP (Nga)	Toán (Trường)	Toán (Q.Tâm)	Địa lí (Vĩnh)	Hóa học (Sénh)	Sinh học (Ngát)	Công nghệ (Mạnh)	CĐ Địa lí (Thảo)
	4	Địa lí (Thảo)	Sinh học (Ngát)	Tiếng anh (Dung)	Toán (Trường)	GDĐP (Sénh)	Công nghệ (Q.Tâm)	Địa lí (Vĩnh)	Hóa học (Nga)	Công nghệ (Mạnh)	Địa lí (Chính)
	5										

Sáng thực hiện từ 7h30; Chiều thực hiện từ 13h45
HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Tập

Thứ	Tiết	A1	A2	A3	B1	B2	B3	B4	C1	C2	C3
Thứ 2	1	Tiếng anh (Trang)	Tiếng anh (Dung)	GDQP (Hiếu)	HĐTN (Nhân)				Ngữ Văn (Huyền)	Ngữ Văn (Quân)	Sinh học (Đức)
	2	Tiếng anh (Trang)	GDQP (Hiếu)	Tiếng anh (Dung)					Lịch sử (Hương)	Ngữ Văn (Quân)	GDKT&PL (Vừ)
	3	Hóa học (Nga)	Lịch sử (Hương)	Tiếng anh (Dung)					GDTC (Nhạ)	GDQP (Hiếu)	GDKT&PL (Vừ)
	4										
	5										
Thứ 3	1	HĐTN (Nhân)			Vật lí (Dũng)	GDĐP (Sếnh)	Công nghệ (Q.Tâm)	GDQP (Hiếu)	Lịch sử 1 Hóa học	GDKTPL	HS không ôn tự học
	2				Vật lí (Dũng)	Công nghệ (Tuấn)	GDQP (Hiếu)	Hóa học (Sếnh)	Lịch sử 1 Hóa học	GDKTPL	
	3				GDQP (Hiếu)	Công nghệ (Tuấn)	Toán (Trường)	Hóa học (Sếnh)	Địa lí 1 (Vật lí, Tiếng Anh, Sinh học)	Lịch sử 2	HS không ôn tự học
	4										
	5										
Thứ 4	1	HĐTN (Nhân)			GDTC - (Tâm)	Ngữ Văn (Huyền)	Công nghệ (Tuấn)	GDĐP (Sếnh)	Hóa học (Nga)	GDTC (Nhạ)	GDQP (Hiếu)
	2				Hóa học (Sếnh)	Ngữ Văn (Huyền)	Tin học (Tuấn)	GDQP (Hiếu)	Địa lí (Vĩnh)	GDTC (Nhạ)	Ngữ Văn (Quân)
	3				GDĐP (Dũng)	GDQP (Hiếu)	Tin học (Tuấn)	Ngữ Văn (Linh)	GDTC (Nhạ)	GDKT&PL (Vừ)	Ngữ Văn (Quân)
	4										
	5										
Thứ 5	1	SƠ KẾT HỌC KÌ I									
	2										
	3										
	4										
	5										
Thứ 6	1	Địa lí (Thảo)	Tiếng anh (Dung)	Hóa học (Sếnh)	GDQP (Hiếu)	GDTC - (Tâm)	GDĐP (Tuấn)	Địa lí (Vĩnh)	Toán (Phượng)	Địa lí 2	Ngữ Văn (Quân)
	2	Hóa học (Nga)	Địa lí (Thảo)	Lịch sử (Hương)	GDQP (Hiếu)	Địa lí (Vĩnh)	GDTC - (Tâm)	Toán (Q.Tâm)	Toán (Phượng)	Địa lí 2	Ngữ Văn (Quân)
	3	Hóa học (Nga)	GDQP (Hiếu)	Địa lí (Thảo)	Địa lí (Vĩnh)	Tin học (Tuấn)	Công nghệ (Q.Tâm)	GDTC - (Tâm)	Vật lí, Tiếng Anh, Sinh học	Lịch sử 2	HS không ôn tự học
	4										
	5										
Thứ 7	1									Toán (Mạnh)	
	2									Toán (Mạnh)	
	3										
	4										
	5										